

NĂM ĐINH HỢI

TẢN MẠN VỀ CHUYỆN CON LỢN

PGS. CAO XUÂN ĐỒ

Nội mang số 12 trong cung Hoàng đạo (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Chúng ta sắp bước vào năm Đinh Hợi. Ở đây xin được trình bày một số suy nghĩ về con lợn trong đời sống vật chất và tâm linh của nhiều cư dân sống trên đất Việt xưa và nay.

Trong nông thôn Việt Nam, miền xuôi cũng như miền ngược, hầu như nhà nào cũng nuôi lợn để lấy thịt ăn và để cúng tế. Lợn ở Việt Nam có nhiều loại. Nào là lợn bột, lợn cà (đực), lợn cỏ, lợn lái, lợn xề, lợn ỉ, lợn lòi (rừng), và có giống quý hiếm như lợn vòi (tapir). Ca dao còn để lại rất nhiều câu thể hiện sự gắn bó của con lợn với cuộc sống bình nhật của người Việt. Ví như:

*Ta về ta rủ bạn ta
Nuôi lợn nuôi gà, cày cấy ta ăn;
Đàn bà thì phải nuôi heo
Thời vận đang nghèo chẳng nuôi đặng trâu;
Nhớ phiên chợ Bản anh đi
Thiếu gì heo ỉ thiếu gì bò trâu (chợ
Bản ở Yên Định, Thanh Hóa);
Lòng thương chị bán thịt heo
Hai vai gánh nặng còn đèo móc câu.
Đem một quan tiền tốt đi chợ (1 quan =*

600 đồng tiền kẽm), ngoài 180 đồng mua gà, còn thì 90 đồng mua thịt lợn, 90 đồng mua gạo nếp, 90 đồng mua gạo tẻ, còn lại bao nhiêu thì mua các thứ khác (trầu, cau, rượu, chè, mật, vàng, nước mắm, chuối...) mỗi thứ không quá 30 đồng¹. Trong tính toán chi tiêu của người nội trợ, lợn được xếp hàng thứ hai ngang với gạo tẻ, gạo nếp.

Có lẽ không có tộc người nào lại khắc khoải với miếng thịt heo như người Việt:

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều

*Nhớ nổi cơm nguội, nhớ niêu nước chè;
rồi lại nhớ cá trích ve, nhớ bát nước dứa, nhớ chén đường non, nhớ cá trích y con. Và, cuối cùng là nhớ Thịt heo cắt khúc, lòng còn ước mơ². Lòng là một ước mơ; đúng là thịt heo, lòng lợn, một sáng khoái đậm tính dân tộc.*

Thịt heo không chỉ để luộc lên ăn mà còn được chế biến thành nhiều dạng rất độc đáo, ít thấy có ở các nơi nào khác trên thế giới, như: Giò, chả, nem, mọc, ninh... trở thành đặc sản của nhiều địa phương. Ví như:

Nghĩ ra Văn Điển cũng sành

*Giò, nem, ninh, mọc đủ ngành nằng đi;
hay:*

Muốn ăn cơm trắng chả, giò

Thì về Bến Cốc đẩy xe bò với anh (Bến Cốc ở thành phố Thanh Hóa); hoặc:

Muốn ăn bún sốt, lòng tươi

Có con thì gả cho người làng Đông (Tĩnh Gia, Thanh Hóa, chuyên nghề bán, mổ lợn).

Đại Từ điển tiếng Việt đã liệt kê không ít hơn 16 món chế biến từ thịt heo đặc biệt của người Việt. Ví như: Thịt kho Tàu, thịt nấu đông, thịt kho tương, thịt nướng chả riêng mỡ, thịt nướng chả xương sông, thịt kho nước dừa, thịt heo thầu (của người Huế), thịt áp chảo...

Người Việt còn có cả một kho kinh nghiệm về việc chọn lợn, nuôi lợn được liên hệ trong cuộc sống bình nhật của con người và được đúc kết như thể những "cách ngôn". Ví như: *Lợn rọ, chó thui* (lợn nhốt trong rọ khó phát hiện các nhược điểm của chúng, cũng như chó thui trương căng tròn lên dễ lầm tưởng là chó béo); *lợn chuồng chái, gái cửa buồng* (lợn nhốt trong chuồng chái thì trông to hơn, gái thấp thoáng cửa buồng thì trông đẹp hơn vẻ đẹp thực có); *lợn đầu, cau cuối* (lợn đầu đàn thì hay ăn chóng lớn, cau cuối buồng thì non, ăn ngon); *lợn đôi một bữa bằng người đôi cả năm* (chăn nuôi lợn không để lợn lỡ bữa); *lợn nhà, gà chợ* (mua lợn tại nhà được giống lợn tốt, mua gà tại chợ được chọn thoải mái); *lợn nước mạ, cá nước rươi* (thời kỳ mua lợn ngon hợp nhất là tháng đổ nước làm ruộng mạ, mua cá giống thì lúc có rươi - khoảng tháng Chín); *lợn thả, gà nhốt* (nuôi lợn thả rông, nuôi gà nhốt lâu ngày sẽ bị gầy, ít tăng trọng); đến chọn thịt cũng có câu *lợn giò, bò bắp* (thịt chân giò lợn, thịt bò bắp là những loại thịt ngon...³).

Trong cư dân nông nghiệp trên đất Việt, lợn là một động vật được dùng phổ biến trong cúng tế, đặc biệt là khi cầu nước, cầu mưa. Lợn là con vật trung gian để con người trần thế thông quan với thần linh. Ở một làng thuộc tổng Bình Hòa, tỉnh Trà Vinh, vào giữa thế kỷ XX, đã diễn ra một lễ cầu mưa như sau: Dân chúng tập hợp đông đảo quanh lán thần Thổ địa, lễ vật bày trước lán gồm có cau trầu, cơm nếp, gạo tẻ, trứng, hương hoa... Trống, đàn, sáo nổi lên. Con đồng nhập thần. Một con lợn trói gô bốn cẳng được đem ra. Con đồng lắc lư, đối thoại với thần:

- A, bẩm Ngài, có mưa rơi xuống hay không?

Cao Xuân Phổ: *Năm Đinh Hợi tản mạn về chuyện con lợn*

- Mưa à!
- Mưa, chắc chắn rồi. Hôm nay có không?
- Chắc chắn.
- Nếu không chắc, Ngài bảo chúng con làm chi?
- Chắc chắn là chắc chắn. Nếu không mưa thì cứ quét ta đi xa.

- Nhưng phải mưa nhiều! Nào, hãy chọc tiết heo, phải có nhiều tiết phun lên cao! Tiết chảy ít thì mưa không được mấy.

Heo bèn được lật ngửa ra và chọc tiết. Pha thịt ra, lấy đầu, gan, giò và đuôi đem luộc rồi bày trong mẹt đưa lên cúng thần Thổ địa. Con đồng vẫn lắc lư, lên giọng: A, kính Ngài, chúng con xin mời Ngài về dùng lễ thỏa thuê để chúng con được hân hoan với ân tứ của các Ngài cùng về dự lễ. Hãy ban cho chúng con mưa, mưa trong ngày hôm nay. Rồi cả đám người dự lễ cùng ca múa, hát hò, cùng nhau tham gia vào các trò chơi dân gian truyền thống⁴.

Lễ tế heo cầu mưa được diễn ra ở nhiều nơi trên các vùng châu thổ Việt Nam, ngay cả trong các tộc người miền núi, như người Dao ở Lào Cai chẳng hạn⁵, và cũng khá phổ biến trên đất Campuchia⁶. Ở đất Chùa Tháp này, heo còn được rước ra trình trọng, do bốn người khiêng. Heo đã được cạo lông sạch sẽ, rút hết nội tạng ra, bốn chân đặt doãi ra trên mâm. Vào lễ, heo được đặt trên phiến đá tế sinh. Thầy chủ lễ cắt đầu tai heo, một bên mồm, một đoạn đuôi, một mẩu thịt ở mỗi chân để dâng thần, đoạn phủ giấy điều lên heo và cắm hương vào hai lỗ mũi heo. Phải cắm vào lỗ mũi (mồm), vì mồm heo là một đặc trưng của loại động vật này.

Lợn đã trở thành một biểu tượng văn hóa không chỉ trong cư dân nông nghiệp ở nhiều nơi mà còn tỏa rộng ra trong không gian sinh sống của nhiều tộc người có quan hệ ít nhiều với nhau và thường để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm thức họ.

Có nơi, lợn được "đế vương hóa" như trường hợp của nhà Liêu. Hoàng đế nhà Liêu, Liêu Thái Tổ Gia Luật A Bảo Cô, tương truyền là có đầu lợn, cho nên người Liêu (Khiết Đan) kiêng không ăn thịt lợn. Và lại, từ Liêu Thái Tổ đến các vua kế nghiệp đều sùng tín đạo Phật nên từ vua quan đến dân chúng đều kiêng giết lợn⁷. Hay như người

Batak (Indônêxia) cũng có câu chuyện về "Đức Trư vương". Nhà vua trong lúc ăn một cọng rau dài, phải ngửa mặt lên để nuốt, đã để lộ ra bộ mặt có mõm lợn. Cho nên trong sinh hoạt, ứng xử, người dân kiêng kỵ những gì có liên quan đến lợn⁸.

Song dù sao thì lợn vẫn là một động vật "hạ đẳng" so với người. Chẳng hạn như "nhân - vật" Trư Bát Giới trong Tây Du Ký. Vốn là Thiên Bồng nguyên soái, vì trót đem lòng yêu thương Hằng Nga mà bị đày xuống trần thế, rơi vào ổ lợn biến thành Người - lợn theo hầu thầy Đường Tăng, phải tuân thủ tám điều răn của nhà Phật, trong đó điều thứ ba là *cấm tà dâm* (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói bậy, không uống rượu, không ngủ giường cao, không mang đồ vàng, không múa hát vui vẻ - *Đại từ điển tiếng Việt*).

Có lẽ tộc người kiêng kỵ mọi thứ liên quan đến lợn chặt chẽ nhất là người Hồi giáo, trong đó có cả người Chăm Hồi giáo. Duyên do là có huyền thoại kể rằng: Một nhà vua ngủ với một con lợn cái, sinh ra một cô con gái. Cô con gái lại chữa với con chó, sinh ra một người con trai. Anh này lớn lên giết con chó (là cha) và giao hợp với một người đàn bà trùm mạng là mẹ anh ta. Từ đó sinh ra chủng tộc mà người Hồi giáo là hậu duệ. Cho nên người Hồi giáo rất kiêng kỵ thịt lợn và không nuôi chó (*xem chi tiết hơn ở chú thích 9*), vì lợn là mẹ (hoặc bà), chó là cha. Họ quan niệm rằng, sự "gặp gỡ" của người con trai với mẹ (hoặc bà) là một ân tứ của thần thánh và cuộc giao phối ngẫu nhiên là một phước lành⁹.

Tết sắp đến, ta sẽ bước sang năm mới, năm Hợi, năm con Lợn. Ngay giờ đây, ta đã thấy nhan nhản hình tượng lợn trên các loại lịch treo, lịch để bàn, lịch bỏ túi trên các vỉa hè đường phố. Có lẽ có tính truyền thống nhất là tranh lợn Đông Hồ. Năm con lợn xúm quanh lợn mẹ. Có thể hiểu được chăng, các vòng tròn trên thân mỗi con lợn là biểu thị của Thái cực (vô thủy, vô chung), Thái cực sinh ra Âm Dương, Âm Dương hòa hợp sinh ra Ngũ phúc: Phú, Quý, Thọ, Khang, Ninh. Một lời chúc toàn diện, rất phù hợp với năm mới sắp đến, năm Đinh Hợi./.

Chú thích:

1, 2 - Xem: Nguyễn Xuân Kính, Phan Đăng Nhật: *Kho tàng ca dao người Việt*, Nxb. VHTT, Trung tâm Ngôn ngữ văn hóa Đông Tây, H. 2001, tập I, tr. 1.540 - 1.541, tr. 306.

3 - Những thí dụ dẫn trong đoạn này là lấy từ Nguyễn Như Ý: *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. VHTT, 1999.

4 - Xem: E. Porée - Maspéro: *Etude sur les rites aquatiques des Cambodgiens*, Mouton et Co, Paris, 1962, tr. 233 - 234.

5 - Xem: Phan Ngọc Khuê: *Tranh Đạo giáo ở Bắc Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, H. 2001, tr. 61, ảnh 27.

6 - Xem: E. Porée - Maspéro: *Sđd*, tập I.

7 - Xem: Vương Chí Bình: *Các đế vương với Phật giáo (bản dịch của Đào Nam Thắng)*, Nxb. VHTT, H. 2002, tr. 344 - 364.

8 - Xem: H. Heine - Geldern: *Le pays de P'i - K'ven, leroi au grand cou et le Singa Mangaradja*, BEFEO, XLIX, tr. 388 - 389.

9 - Marcel Ner, trong *Les Musulmans de l'Indochine Française*, BEFEO, XLI, tr. 193 - 194, có kể: Một nhà vua ngủ với một con lợn cái, sinh ra một cô con gái. Vua nhốt con gái vào rừng. Người con gái hỏi vú nuôi, tại sao cô lại bị cách ly như thế này. Được trả lời: Để cô ta không biết thế nào là tình yêu. Hoang mang, cô gái (công chúa) bảo dẫn đến cho cô một con chó. Có chữa với con chó, cô sinh ra một người con trai. Bỗng một hôm, người con trai biết cha mình là chó, bèn đem chó vào rừng giết đi lấy bong đáí chó làm đồ đội (mà mũ chỏm trắng của người Hồi giáo đội sau này là theo hình dáng đó). Lớn lên người con trai muốn lấy vợ. Người mẹ bảo con trai đi vào rừng, gặp một người đàn bà trùm mạng thì cứ giao hợp, không nói năng hỏi han gì. Từ đó sinh ra chủng tộc mà người Hồi giáo là hậu duệ.

Tục "Hỗn giao" này cũng đã được một số tác giả nhắc đến ở người Bana, như: Navelle, trong *De Thi nai au Bla, Excursions et Reconnaissances*, 1887, tr. 235; ở người Việt như: Nguyễn Văn Huyền, trong *Les chants alternés des gargons et des filles Annam*, 1934, tr. 215, hay Lê Văn Hảo, trong, *Les fêtes saisonnières au Vietnam, Revue du Sud - Est Asiatique*, 1962, tập I, tr. 205.